

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình
Nâng cấp đê tả sông Hoàng đoạn qua xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý dự chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của HĐND huyện Triệu Sơn về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 250/TĐ-KTHT ngày 29/10/2020 và UBND xã Đồng Tiến tại tờ trình số 343/TTr-UBND ngày 22/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình nâng cấp đê tả sông Hoàng đoạn qua xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình:** Nâng cấp đê tả sông Hoàng đoạn qua xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn.
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình NN và PTNT, cấp IV.
- 3. Địa điểm xây dựng:** Xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- 4. Chủ đầu tư:** UBND xã Đồng Tiến.
- 5. Giải pháp thiết kế:**

5.1. Tuyến đê:

Nâng cấp tuyến đê tả sông Hoàng, đoạn qua xã Đông Tiến với tổng chiều dài $L=1.941,66\text{m}$.

- Thân đê: đắp đất theo từng lớp lu lèn chặt đảm bảo $K \geq 0,9$.

- Đỉnh đê: Mở rộng mặt đê, chiều rộng đỉnh đê $B_n=6,0\text{m}$, chiều rộng mặt đê $B_m=5,0\text{m}$, chiều rộng lề $B_l=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$, dốc ngang mặt đê $i_m=2\%$, dốc ngang lề $i_l=4\%$. Kết cấu như sau:

+ Đối với phần nền cũ kết cấu từ trên xuống như sau: lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm, tưới nhựa dính bám TCN 1kg/m², xử lý vị trí sinh lún bằng đá dăm tiêu chuẩn (đá 4x6) dày 20cm và CPĐĐ loại I dày 16cm.

+ Đối với phần mở rộng kết cấu từ trên xuống như sau: lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm, tưới nhựa dính bám TCN 1kg/m², cấp phối đá dăm loại I dày 16cm, lớp đá dăm tiêu chuẩn (đá 4x6) dày 20cm.

+ Lề đắp đất K90, đối với những đoạn lề cũ bằng bê tông đổ lề bằng BTXM đá 1x2 M250.

+ Tại các đoạn mép đê gần ao, sông đặt tấm chắn bánh bằng BTXM đá 1x2 M250 sơn trắng đỏ.

- Mái đê: phía sông, phía đồng $m=1,5$, trồng cỏ bảo vệ, chống sồi lở. Riêng những đoạn qua ao sâu hoặc sông kè gia cố mái bằng đá học; kết cấu mái kè đá học như sau: xếp đá học VXM M100 dày 30cm, đá dăm lót dày 10cm, vải địa kỹ thuật ART 15 (hoặc tương đương), chân khay mái kè bằng tấm bê tông đúc sẵn, gia cố đáy bằng cọc tre $L=2,5\text{m}$, mật độ 9 cọc/tám.

5.2. Dốc lên đê:

Độ dốc bằng độ dốc hiện trạng, vệ sinh nền bê tông hiện trạng, tưới nhựa dính bám TCN 1kg/m² sau đó thảm bê tông nhựa C19 dày 7cm.

5.3. Hoàn trả tường rào:

Tổng chiều dài tường rào hoàn trả $L=134,93\text{m}$, tường rào cao 1,9m so với mặt đường, xây tường bằng gạch không nung VXM M75, trát tường VXM M75 dày 1,5cm, sơn hoàn thiện tường rào 01 nước lót, 02 nước phủ; móng tường rào xây đá học VXM M75 sâu 1,2m.

6. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

6.1. Giá trị dự toán: 6.858.791.000 đ.

(Sáu tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB	1.113.500.000 đ
- Chi phí xây lắp	4.697.183.000 đ
- Chi phí QLDA	106.173.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	453.339.000 đ
- Chi phí khác	161.986.000 đ
- Chi phí dự phòng	326.609.000 đ

(có biểu chi tiết kèm theo)

6.2. Nguồn vốn: Ngân sách huyện, ngân sách xã và các nguồn huy động hợp pháp khác.

7. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2021.

Điều 2. Giao UBND xã Đồng Tiến chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc kho bạc huyện; Chủ tịch UBND xã Đồng Tiến và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN

CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP ĐÊ TẢ SÔNG HOÀNG ĐOẠN QUA XÃ ĐỒNG TIẾN, HUYỆN TRIỆU SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2020 của Chủ tịch UBND huyện
Triệu Sơn)

Đơn vị tính: đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB	1.113.500.000		1.113.500.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	4.270.166.364	427.016.636	4.697.183.000
1	Chi phí xây dựng	4.270.166.364	427.016.636	4.697.183.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	106.173.416		106.173.416
IV	CHI PHÍ TVĐTXD	412.126.524	41.212.652	453.339.176
1	Khảo sát	104.674.545	10.467.455	115.142.000
2	Lập Báo cáo KT-KT	181.097.755	18.109.776	199.207.531
3	Lập HSMT và đánh giá HSĐT gói thầu xây lắp	15.415.301	1.541.530	16.956.831
4	Giám sát thi công xây dựng	110.938.922	11.093.892	122.032.814
V	CHI PHÍ KHÁC	153.496.514	8.489.673	161.986.187
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	1.303.170		1.303.170
2	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT	4.270.166		4.270.166
3	Bảo hiểm công trình	44.409.730		44.409.730
4	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	22.187.784	2.218.778	24.406.563
5	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	18.616.718		18.616.718
6	Kiểm toán	62.708.945	6.270.895	68.979.840
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	302.773.141	23.835.948	326.609.089
	TỔNG CỘNG	6.358.235.959	500.554.910	6.858.790.869
	LÀM TRÒN			6.858.791.000

Sáu tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn đồng./.